TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM – PT
Ngày 02 – 01 – 2025;
"Tranh chấp hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh;**
bà **Võ thị Minh Phượng.**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Huỳnh Văn Hảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2024/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cấp bảo lãnh, hợp đồng thế chấp tài sản";*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2024/QĐ - PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1**; địa chỉ: Số A T, quận H, Thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền:* ông ***Nguyễn Việt A***, Phó Giám đốc và ông ***Vũ Thanh Đ***, PPT. Phòng KHDN, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1, Chi nhánh Q; địa chỉ: Số A P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam *(văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2023).*

- *Bị đơn:* **Công ty Cổ phần V;** địa chỉ: Số B X, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* ông ***Nguyễn Chân T***, Tổng giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền:* ông ***Lê Trung H***, Nhân viên kế toán *(văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 12 năm 2024).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3;** địa chỉ: Số E, T bản đồ số 101 *(Khu đất chợ D cũ),* thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; *Người đại diện theo pháp luật:* ông ***Trần Ngọc T1***, Giám đốc. *Người đại diện theo ủy quyền*: bà ***Võ Thị Ngọc C,*** sinh năm 1997; địa chỉ: Số A A, T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng *(văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2024). Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:* Luật sư ***Nguyễn Phương Đại N,*** Công ty T3; địa chỉ: Số A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* ***người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T3.***

Các ông, bà: Anh, Đ, T, H, N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày: ngày 10/12/2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1, Chi nhánh Q (Ngân hàng) cấp bảo lãnh tín dụng cho Công ty Cổ phần V (Công ty V) vay vốn để kinh doanh với số tiền bảo lãnh là 7.360.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 233/2021/HĐCBLTL.NHCT482-MEICO và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng kèm theo, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 9%/năm, lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, vay vốn để đảm bảo trách nhiệm của Công ty V trong việc hoàn trả tiền ứng trước theo Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình số 01/2021/HĐKT-TNBU-MEICO ngày 11/11/2021. Sau khi ký kết, Ngân hàng đã giải ngân theo thỏa thuận, chỉ định của Công ty V và đã thực hiện thanh toán thay cho Công ty V theo cam kết trên bảo lãnh. Tổng dư nợ của Công ty V tính đến hết ngày 05/07/2024 là 3.353.082.494 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.785.332.753 đồng và nợ lãi là 567.749.741 đồng. Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh là quyền tài sản của Công ty V phát sinh từ hợp đồng xây dựng Trung tâm Thương mại - số 01/2021/HĐKT-TNBU-MEICO ngày 11/11/2021, được thế chấp theo Hợp đồng số 101/2021/HĐBĐ/NHCT482 và 141.524kg thép xây dựng tại công trình Trung tâm Thương mại -, được thế chấp theo Hợp đồng số 61A/2023/HĐBĐ. Thực hiện hợp đồng, Công ty V đã nhiều lần vi phạm các cam kết trả nợ, dẫn đến nợ quá hạn kéo dài. Nguyên đơn khởi kiện buộc Công ty V thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí theo hợp đồng cấp bảo lãnh số 233/2021/HĐCBLTL/NHCT482-MEICO tính đến ngày 05 tháng 7 năm 2024 là 3.353.082.494 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.785.332.753 đồng và nợ lãi là 567.749.741 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cấp bảo lãnh cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp.

Phía bị đơn trình bày: thống nhất với quan điểm của đại diện nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng cấp bảo lãnh ngày 10/12/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo và việc thực hiện hợp đồng sau khi ký kết, cũng như các giao dịch, tài sản bảo đảm. Bị đơn thống nhất số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí như phía nguyên đơn trình bày. Phía bị đơn thừa nhận vi phạm hợp đồng do công trình đang tạm dừng thi công, chủ đầu tư yêu cầu chấm dứt hợp đồng và đã gửi thông báo phạt hợp đồng. Bị đơn đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền theo yêu cầu khởi kiện và trường hợp không thanh toán được thì đồng ý để nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm là số thép còn lại theo Vi bằng đã lập. Đồng thời bị đơn yêu cầu xem xét giảm lãi vay, lãi quá hạn, giảm thời gian trả nợ để có thời gian thu hồi các khoản thanh toán còn lại từ chủ đầu tư.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH T3 không có yêu cầu độc lập, không trực tiếp tham gia tố tụng.

Với nội dung như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 463, 466, 468, 335, 336, 339, 340, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017);* các điều 30, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 3, 4, 11, 297, 306, 317 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: *chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1 với Công ty Cổ phần V về tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp tài sản; buộc Công*

ty Cổ phần V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C1 tổng cộng tiền nợ gốc, tiền nợ lãi tính đến hết ngày 05 tháng 7 năm 2024 là 3.353.082.494 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.785.332.753 đồng và tổng nợ lãi là 567.749.741 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp bảo lãnh số 233/2021/HĐCBLTL.NHCT482-MEICO cho đến khi thanh toán xong tiền còn nợ. Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ Phần V phát sinh theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh nêu trên gồm: tài sản là các quyền tài sản *(bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia, quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này, các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn; ...)* của Công ty Cổ Phần V phát sinh từ Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình số 01/2021/HĐKT-TNBU-MEICO ngày 11/11/2021 *(gói thầu: Phần cọc, móng, thân bê tông cốt thép, công trình Trung tâm thương mại -; địa điểm: Khu đất chợ D cũ, Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giữa Công ty TNHH T3 và Công Ty Cổ Phần V); tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 101/2021/HĐBĐ/NHCT482 ngày 30/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo số đơn đăng ký 1434638455 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Tài sản là thép xây dựng các loại với tổng khối lượng 141.524 kg các loại. Tài sản đang được lưu giữ tại Công trình Trung tâm thương mại -: Địa điểm khu đất chợ D cũ, tổ dân phố G, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 22/6/2023 Văn phòng T4 đã tiến hành kiểm kê tài sản tại công trình Di L và đã tiến hành lập Vi bằng số 90 2023/VB- TPL.BL của Công ty Cổ Phần V; tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61A/2023/HĐBĐ NHCT/NHCT482-MEI ngày 15/8/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp; hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo số đơn đăng ký 150798397, tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2023, số thép còn lại được ghi nhận: Thép 8: 07 cuộn. Thép 10: 16.087 cây. Thép 16: 10 cây. Thép 18: 08 cây. Thép 20: 107 cây. Thép 25: 176 cây.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo cho rằng: theo mục 29.1.7 của Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình số 01/2021/HĐKT – TNBU-MEICO thì số thép có tại công trình là đối tượng của hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61A/2023/HĐBĐ NHCT/NHCT482-MEI ngày 15/8/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này là tài sản của Công ty T3 trước khi các bên ký kết hợp đồng thế chấp; Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ, không kiểm đếm tại công trường, ảnh hưởng đến tính hợp pháp, đúng đắn của hoạt động tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: Toà án, người tiến hành tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định

của pháp luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xét xử vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

[2.1]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1.1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn, được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạT3 Trần Ngọc Bảo U là hợp pháp.

[2.1.2]. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH T3 xác định không kháng cáo nội dung bản án liên quan đến hợp đồng cấp bảo lãnh giữa nguyên đơn và bị đơn, không kháng cáo quyết định của bản án về Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 101/2021/HĐBĐ/NHCT482 ngày 30/11/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định phạm vi kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, liên quan đến quyết định của bản án sơ thẩm về hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61A/2023/HĐBĐ NHCT/NHCT482-MEI ngày 15/8/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này.

[2.2]. Về nội dung

[2.2.1]. Những tình tiết, sự việc không phải chứng minh

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, bị đơn thừa nhận đã tự nguyện, thỏa thuận ký kết, thực hiện Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61ª/2023/HĐBĐ/NHCT/NHCT482-MEI ngày 15 tháng 8 năm 2023. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và là cơ sở để Hội đồng xét xử xác định tính hợp pháp, hiệu lực thi hành, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết, thực hiện hợp đồng thế chấp này.

[2.2.2]. Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm

Việc xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đã đảm bảo thành phần, trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; thông tin từ kết quả thu thập chứng cứ này đáp ứng yêu cầu chứng minh thuộc phạm vi giải quyết tranh chấp hợp đồng thế chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác, người đại diện của Công ty TNHH T3 trực tiếp tham gia phiên xem xét, thẩm định tại chỗ và đã có ý kiến về phiên làm việc này. Sau đó, người đại diện của Công ty TNHH T3 không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng thuộc vụ án; sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo, không có yêu cầu, khiếu nại gì về hoạt động tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm. Theo đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi

ích hợp pháp của đương sự, nên không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo và quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH T3 về nội dung này.

[2.2.3]. Về hiệu lực của hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61⁰/2023/HĐBĐ/NHCT/NHCT482-MEI ngày 15 tháng 8 năm 2023

Công ty TNHH T3 cho rằng trước khi ký kết hợp đồng thế chấp hàng hóa là 141.524 kg thép các loại, thì tài sản này đã được xác lập quyền sở hữu cho Công ty TNHH T3 thông qua thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình ngày 11 tháng 11 năm 2021, nên hợp đồng thế chấp vô hiệu. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, người kháng cáo viện dẫn thỏa thuận tại mục 29.1.7 Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình ngày 11 tháng 11 năm 2021 để cho rằng Công ty TNHH T3 được xác lập quyền sở hữu tài sản đối với số thép đang có tại công trình xây dựng là đối tượng của hợp đồng thế chấp hàng hóa. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận này là thỏa thuận có điều kiện *"khi xảy ra các trường hợp chấm dứt hợp đồng"* và nội dung thỏa thuận này không hướng đến tài sản, quyền tài sản cụ thể. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xác định hai bên đang tranh chấp hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư mới thực hiện việc *"gửi văn bản yêu cầu chấm dứt hợp đồng"*, đại diện Công ty TNHH T3 không xuất trình được chứng cứ chứng minh hai bên đã chấm dứt hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình ngày 11 tháng 11 năm 2021. Khoản 1 Điều 120 Bộ luật Dân sự quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện làm phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự thì khi điều kiện đó xảy ra, giao dịch dân sự phát sinh hoặc hủy bỏ".* Theo đó, Hội đồng xét xử xác định: đến thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp hàng hóa ngày 15 tháng 8 năm 2023, thỏa thuận tại mục 29.1.7 Hợp đồng kinh tế giao nhận thầu thi công xây lắp công trình ngày 11 tháng 11 năm 2021 chưa phát sinh hiệu lực, nên việc Công ty TNHH T3 cho rằng số thép là đối tượng của hợp đồng thế chấp đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T3 là không có căn cứ pháp luật.

Thứ hai, người kháng cáo xuất trình phụ lục hợp đồng số 10/2022/PLHĐ – TNBU – MEICO lập ngày 08 tháng 12 năm 2022 để chứng minh việc xác lập quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH T3 đối với số thép là đối tượng của hợp đồng thế chấp tài sản đang tranh chấp. Tuy nhiên, nội dung trong phụ lục hợp đồng này thể hiện Công ty TNHH T3 tạm ứng tiền cho bị đơn mua thép và khoản tạm ứng này sẽ được bị đơn hoàn lại cho Công ty TNHH T3 bằng hình thức *"giảm trừ tương ứng vào từng đợt thanh toán khối lượng hoàn thành công trình"* theo điểm 4.2 Điều 4 của Phụ lục hợp đồng. Đồng thời, bị đơn phải cung cấp cho Công ty TNHH T3 chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng với giá trị tạm ứng là 15.271.942.056 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh đã thực hiện cấp bảo lãnh cho bị đơn để bị đơn hoàn ứng cho Công ty TNHH T3 đúng số tiền 15.271.942.056 đồng. Theo đó, không có chứng cứ chứng minh số thép là đối tượng của hợp đồng thế chấp hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH T3 hoặc đã được bị đơn chuyển quyền sở hữu cho Công ty TNHH T3 trước khi ký kết hợp đồng thế chấp hàng hóa đang tranh chấp.

Thứ ba, hợp đồng thế chấp hàng hóa lập ngày 15 tháng 8 năm 2023 đã được đăng ký biện pháp bảo đảm đúng thủ tục tại đơn vị có thẩm quyền ngày 21 tháng 8

năm 2023 *(BL 80 – 83)*. Khoản 2 Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Thế chấp tài sản phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký"*.

Các nhận định trên cho thấy: hợp đồng thế chấp hàng hóa lập ngày 15 tháng 8 năm 2023 đảm bảo các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại các điều 117, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Công ty TNHH T3 không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp của công ty đối với tài sản là đối tượng của hợp đồng thế chấp, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn, xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ đến hạn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết là có căn cứ pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty TNHH T3. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết, chứng cứ mới có giá trị làm thay đổi kết quả xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

[2.3]. Về án phí KDTM phúc thẩm: Công ty TNHH T3 phải chịu 2.000.000 *(hai triệu)* đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.4]. Những nội dung khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam không bị kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, các điều 294, 296, 30, 35, 39, 91, 92, 97, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 18 Điều 4, các điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, sung năm 2017; khoản 2 Điều 4, điểm c khoản 3 Điều 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; các điều 3, 4, 11, 297, 306, 317 Luật Thương mại năm 2005; các điều 117, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T3, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1 với Công ty Cổ phần V về tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản. Trong trường hợp Công ty Cổ phần V, Thiết bị và Đầu tư Xây dựng M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quyết định của bản án thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là thép xây dựng các loại đang được lưu giữ tại công trình Trung tâm Thương mại - *(khu đất chợ D cũ, Tổ dân phố G, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng),* theo theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 61[a]/2023/HĐBĐ NHCT/NHCT482-MEI ngày 15/8/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này.

3. Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty TNHH T3 phải chịu 2.000.000 *(hai triệu)* đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH T3 đã nộp theo biên lai thu số 0001510 ngày 11 tháng 9 năm 2024 *(người nộp Nguyễn Viết T2)* của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Các phần khác của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 38/2024/KDTM - ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(02/01/2025)*.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố T;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng